

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/HNGĐ- ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH,
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2022/TLST - HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh Tổng Huy C, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Hẻm C, đường P, ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(chị T và anh C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2022, bản tự khai ngày 25/10/2022, các lời khai tiếp theo có tại hồ sơ nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 10/3/2009.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã

không có tiếng nói chung, thậm chí giữa vợ chồng xảy ra xô xát. Nhiều lần vợ chồng có ngồi lại với nhau để hàn gắn hôn nhân nhưng không thành, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh C thường có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm đến chị T. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh C đã sống ly thân. Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh C được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị T khai có 02 con chung tên là Tổng Thi Ngọc N, sinh ngày 18/02/2009 và Tổng Gia V, sinh ngày 27/10/2010. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị T xin được vắng mặt tại buổi xét xử.

*** Theo bản tự khai ngày 25/10/2022 bị đơn anh Tổng Huy C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay do anh C không tin tưởng mỗi khi chị T đi ăn nhậu với những bạn bè khác, những lúc như vậy vợ chồng có cãi nhau. Anh C xác định đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống ra đình nhưng chị T cố chấp dọn ra ở trọ được khoảng 5 tháng nay. Anh C còn yêu thương vợ nên không chấp nhận ly hôn.

- Về con chung: Anh C khai có 02 con chung tên là Tổng Thi Ngọc N, sinh ngày 18/02/2009 và Tổng Gia V, sinh ngày 27/10/2010. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu giao 02 con chung là cháu N và cháu V cho anh C nuôi dưỡng, tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn nên anh C xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án Nhơn Trạch, đề nghị Tòa án xử vắng mặt anh.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T và anh C theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T được ly hôn với anh C. Giao con chung cháu Tổng Thi Ngọc N, sinh ngày

18/02/2009 và [Tống Gia V](#), sinh ngày 27/10/2010 cho anh [C](#) nuôi dưỡng; Tạm thời chị [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị [T](#) và anh [C](#) khai tự thỏa thuận nên không xét. Về nợ chung: Chị [T](#) và anh [C](#) khai không có nên không xét.

Về án phí: Chị [T](#) phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị [T](#) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh [C](#) vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị [T](#) và anh [C](#) theo quy định.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 11/8/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị [Đặng Thi T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh [Tống Huy C](#) và yêu cầu giao 02 con chung là cháu [Tống Thi Ngọc N](#), sinh ngày 18/02/2009 và [Tống Gia V](#), sinh ngày 27/10/2010 cho anh [C](#) nuôi dưỡng; Tạm thời chị [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị [T](#) và anh [C](#) chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn và được [Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai](#) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 10/3/2009, vì vậy căn cứ Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

[2]. Về Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Đặng Thi T](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Tống Huy C](#).

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại [Ủy ban nhân dân xã P](#) thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị [T](#) và anh [C](#). Anh [Tống Huy C](#) hiện tại đang sinh sống tại địa chỉ: [Hẻm C, đường P, ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai](#). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh [C](#) biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng anh [C](#) chỉ đến Tòa án nộp bản tự khai và đề nghị vắng mặt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng chị [T](#) và anh [C](#) đoàn tụ. Qua ý kiến của chị [T](#) thể hiện chị [T](#) và anh [C](#) chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là cháu Tổng Thi Ngọc N, sinh ngày 18/02/2009 và Tổng Gia V, sinh ngày 27/10/2010. Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được trong hồ sơ và lời khai của chị T và anh C xác định chị T và anh C có 02 con chung là cháu Tổng Thi Ngọc N, sinh ngày 18/02/2009 và Tổng Gia V, sinh ngày 27/10/2010. Hiện 02 con chung là cháu N và cháu V đang sống cùng anh C. Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo của mình, chị T tiếp tục giữ nguyên yêu cầu giao 02 con chung là cháu N và cháu V cho anh C nuôi dưỡng, tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị T về việc giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng và tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận vì hiện tại 02 con chung đang ở với anh C và có nguyện vọng được ở với anh C nên cần giao 02 con chung là cháu N và cháu V cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh C khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008367 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị T đã nộp đủ án phí.

* Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T đối với bị đơn anh Tổng Huy C về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Xử: Cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Tổng Huy C.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Tổng Thi Ngọc N, sinh ngày 18/02/2009 và Tổng Gia V, sinh ngày 27/10/2010 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **T** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **T** và anh **C** khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị **T** và anh **C** khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008367 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị **T** đã nộp đủ án phí.

3. Chị **T** và anh **C** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- [UBND xã Phú Hữu](#);
- Phòng tư pháp huyện;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Đình Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đình Hiền

